

Cảm ơn các anh chị đã chứng tỏ, qua các câu thơ hay tuyệt mà các anh chị đã sáng tác, rằng không có gì trái ngược giữa "thi sĩ" và "Phật tử".

Thi ca chỉ là phương tiện để diễn đạt, qua vần điệu và hình ảnh đẹp, những tâm tư của mình.

Cái quan trọng là nội dung, là cái tâm tư đó.

Nó có thể bi thương hay hài hước, hùng tráng hay ung dung, trữ tình hay siêu thoát.

Bằng chứng là không thiếu gì bài thơ, bài phú, bài kệ của các thiền sư để lại, giúp cho hậu thế hiểu rõ hơn về đạo Phật.

Như vậy thì các bạn bên NP này cũng phải, ND định quát cho tôi ba hèo thật là oan cho tôi quá !

Nhưng nghĩ cho cùng, ăn ba hèo có khi còn hơn ăn ba chén chè với sô và đá nhỉ ?

TMD có nói tới chữ "dan dứ", thật ra phải chính là "đan dứ", theo tôi Vô thường và Vô ngã đan dứ vào nhau, cũng như thời gian và không gian không thể nào tách rời nhau ra được, đại khái cũng không khác chữ "quấn quện" vào nhau dùng bởi ND.

ND có nhắc tới câu "Có thì có tự mảy may,

Không thì cả thế gian này cũng không".

Câu này thuộc một bài kệ của thiền sư Đạo Hạnh đời Lý, thuộc thế hệ thứ 12 dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi, nói để trả lời câu hỏi của một vị tăng : Thế nào là Phật tâm ?

"Tác hữu trần sa hữu,

Vi không nhất thiết không.

Hữu không như thủy nguyệt,

Vật trước hữu không không."

(Có thì muôn sự có,

Không thì tất cả không.

Có, không : trăng đáy nước,

Đừng mắc có cùng không).

Lúc đó, sư trụ trì ở chùa Thiên Phúc (cũng gọi là chùa Thầy) ở núi Phật Tích, tỉnh Hà Sơn Bình. (Theo cuốn "Thiền sư Việt Nam", HT TThanh Từ).

Trong cuốn "Việt Nam PG sử luận" của Nguyễn Lang có một đoạn viết về hai mức độ hiểu biết về tánh Không tôi thấy rất điển hình, xin chép lại để các bạn suy ngẫm (hay cảm nhận) :

"Thiền sư Huệ Sinh (mất năm 1063), thuộc thế hệ thứ 13 thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, từng được phong tăng thống, trong một kệ trình vua Lý Thái Tông đã nói rõ về quan niệm siêu việt hữu vô của thực tại.

Một hôm vua Lý Thái Tông mời các cao tăng thọ trai; nhân dịp, vua xin mỗi người một bài thi kệ ngắn để tỏ bày kiến giải về đạo Phật. Khi mọi người còn đang suy nghĩ thì vua đã làm xong một bài kệ như sau :

"Bát Nhã chân vô tông,

Nhân không ngã diệc không.

Quá hiện vị lai Phật,

Pháp tính bản lai đồng."

(Bát Nhã vốn không tông,  
Nhân không, ngã cũng không.  
Ba đời các đức Phật,  
Pháp tính vốn chung đồng.)

Bài kệ nói về bản tính *không* (sunyata) của nhân, của ngã, của tông Bát Nhã, và của tất cả các chư Phật trong hiện tại vị lai. Bài kệ có tính cách lặp lại những kiến thức thu lượm được trong kinh Bát Nhã.

Thiền sư Huệ Sinh liên trình vua bài kệ sau đây, trong đó ta thấy rõ tính cách siêu việt cả *không* và *hữu* :

"Pháp bản như vô pháp,  
Phi hữu diệc phi không.  
Nhược nhân tri thử pháp,  
Chúng sinh dữ Phật đồng.

Tịch tịch Lăng Già nguyệt,  
Không không độ hải chu.  
Tri không không, giác hữu,  
Tam muội nhập thông chu."

(Pháp cũng như vô pháp,  
Không hữu cũng không không.  
Nếu đạt được lẽ ấy,  
Chúng sinh với Phật đồng.)

Trăng Lăng Già lặng chiếu,  
Thuyền vượt biển trống không.  
Không cũng không như có,  
Định Tuệ chiếu vô cùng.)

Đây là một bài kệ thuộc loại siêu đẳng trong kho tàng văn học Phật giáo. Không những đứng về phương diện tư tưởng mà đứng về phương diện văn học, hình ảnh một chiếc thuyền trống không lặng lẽ vượt biển dưới ánh trăng tịch tĩnh của Lăng Già là một hình ảnh mẫu nhiệm.

Thiền sư Huệ Sinh đã bắt đầu bằng quan niệm *pháp* (sự vật) phù hợp với tinh thần Bát Nhã : nếu *pháp* là một sự tập hợp của nhiều điều kiện và không có một bản chất hay tự tính trong bản thân nó, thì *pháp* ngang với *vô pháp*; và vì vậy những thuộc tính *hữu* và *không* không thể gán cho nó được (*pháp* cũng như *vô pháp*, không *hữu* cũng không *không*). Nếu đạt được chân lý đó - đạt bằng thực chứng mà không phải nắm bắt bằng khái niệm - thì sẽ không thấy có gì khác nhau giữa chúng sinh (người không giác ngộ) và Phật (người giác ngộ) nữa. Trong thế giới thực tại của chân lý ấy, mọi ngôn ngữ khái niệm đều không còn hiệu lực gì nữa, tất cả đều lặng yên dưới ánh sáng trầm lặng của mặt trăng Lăng Già, tượng trưng cho trí tuệ giác chiếu, một chiếc thuyền vượt biển, trong lòng thuyền tuyệt đối không mang theo ai, không mang theo gì. Ở đây Phật và chúng sinh là một, không có người mê, không có người ngộ, không có người cứu độ, không có người được cứu độ, không có ai qua bờ.

Hai câu cuối đối trị lại khuynh hướng chống đối giữa *không* và *hữu*, nhằm gỡ vua Lý Thái Tông ra khỏi sự bám víu vào khái niệm *không* mà vua đã học được trong Bát Nhã. Thiền sư nói : "Sau khi biết *không* cũng là *không*, thì mới thực sự biết có là gì (tri không không, giác hữu). Bởi vì nếu chấp vào *không* thì cũng hại như chấp vào *có*; nếu thoát khỏi *không*, biết *không* cũng không, thì *có* sẽ không còn ràng buộc được ta nữa. Có như vậy thì công phu thiền định mới không bị kẹt (tam muội nhập thông chu)."

Nếu các bạn đọc những giòng này mà cảm thấy nhức đầu mệt óc, thì có lẽ nên trở về bài kệ không thôi, với hình ảnh chiếc thuyền lặng lẽ lướt sóng dưới ánh trăng Lăng Già ...

Đây thi vị ...

Thân mến,

NP